Vấn đề việc làm ở tỉnh Thái Nguyên: thực trạng và giải pháp

PHẠM THỊ NGỌC VÂN

Trên cơ sở đánh giá thực trạng, xác định nguyên nhân của tình trạng thiếu việc làm ở tỉnh Thái Nguyên, bài viết đề xuất các nhóm giải pháp cho vấn đề này.

1. Thực trạng việc làm tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2006-2010

1.1. Số lao động làm việc phân theo nhóm ngành kinh tế

Cơ cấu lao động của tỉnh Thái Nguyên trong các năm vừa qua tương tự như xu thế cơ cấu lao động chung của cả nước. Đó là lao động trong nhóm ngành nông nghiệp vẫn chiếm tỷ lệ cao nhất: ở mức 71,8% (năm 2006) và 67,7% (năm 2010). Tiếp đến là ngành dịch vụ với 16,4% (năm 2006) và 17,3% (năm 2010). Cuối cùng là ngành công nghiệp với 11,9% (năm 2006) và 15% (năm 2010). (bảng 1). Điều này cho thấy tương ứng với số lao động trong các ngành thì việc làm trong ngành nông nghiệp là nhiều nhất, tiếp đến là ngành dịch vụ và ngành công nghiệp.

BẢNG 1: Cơ cấu lao động tỉnh Thái Nguyên làm việc trong các ngành kinh tế giai đoạn 2006 – 2010.

Đơn vị: %

Năm	Nông nghiệp	Công nghiệp	Dịch vụ
2006	71,8	11,9	16,4
2007	70,6	12,4	17,0
2008	69,4	13,5	17,1
2009	68,3	14,5	17,2
2010	67,7	15,0	17,3

Nguồn: Niên giám thống kê 2010.

1.2. Số lao động làm việc phân theo loại hình kinh tế

Đại đa số lao động Thái Nguyên vẫn làm việc trong khu vực kinh tế ngoài Nhà nước: 88,41% (năm 2006) tăng lên 88,61% (năm 2009) và 88,33% (năm 2010). Số lao động làm việc trong khu vực nhà nước và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài biến động không nhiều cả về số lượng cũng như tỷ trọng và chỉ chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng số người có việc làm toàn tỉnh (bảng 2).

Đối với lao động làm việc trong khu vực nhà nước, tuy có vị thế nhất định trong xã hội và được hưởng lương tương đối ổn định, nhưng hiện nay khu vực này không thu hút được lao động vào làm nhiều do mức lương còn thấp hơn so với các khu vực khác. Số việc làm trong khu vực này không có nhiều biến động, các năm hầu như vẫn là giữ nguyên, nếu như có sự chênh nhau thì là do người lao động quá tuổi lao động về hưu và thay vào đó là các thế hệ trẻ vào học việc, nên số việc làm mới hàng năm phụ thuộc chủ yếu ở khu vực ngoài nhà nước.

Phạm Thị Ngọc Vân, ThS., Trường đại học Kinh tế và quản trị kinh doanh, Đại học Thái Nguyên.

BẢNG 2: Số lượng và cơ cấu lao động làm việc theo loại hình kinh tế giai đoạn 2006 – 2010

Đơn vị: người,%

Khu vực	2006	2007	2008	2009	2010
Nhà nước	70.450	70.961	71.685	72.396	74.024
	11,42	11,24	11,05	10,88	10,89
Ngoài nhà nước	545.453	558.209	573.927	589.813	600.315
	88,41	88,43	88,50	88,61	88,33
Có vốn đầu tư nước ngoài	1.058	2.047	2.887	3.443	5.284
	0,17	0,32	0,45	0,52	0,78

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên 2010.

1.3. Tình trạng thất nghiệp và thiếu việc làm

Ở tỉnh Thái Nguyên, tỷ lệ thất nghiệp của người lao động vẫn còn cao hơn so với cả nước và có những biến động khác nhau trong thời gian qua (bảng 3).

BẢNG 3: Một số chỉ tiêu về tỷ lệ thất nghiệp của Thái Nguyên giai đoạn 2006 -2010

Đơn vị: %

Chỉ tiêu	2006	2007	2008	2009	2010
Tỷ lệ thất nghiệp đô thị	5,28	4,91	2,96	4,46	3,34
Tỷ lệ thời gian lao động sử dụng ở nông thôn.	79,81	79,88	80,53	80,67	82,07
Tỷ lệ thất nghiệp theo trình độ chuyên môn kỹ thuật					
Chưa qua đào tạo	25,67	25,32	21,24	18,02	17,36
Đã qua đào tạo nghề và tương đương	25,65	18,26	13,98	21,63	20,23
Trung học chuyên nghiệp trở lên	48,68	30,09	24,85	23,43	32,18

Nguồn: Sở Lao động, thương binh và xã hội tỉnh Thái Nguyên.

Tỷ lệ thất nghiệp đô thị và tỷ lệ sử dụng thời gian lao động nông thôn đang dần được cải thiện. Trong giai đoạn 2006 – 2010, tỷ lệ thất nghiệp thành thị luôn giữ dưới mức 6% và đang có xu hướng giảm dần. Năm 2006 tỷ lệ thất nghiệp thành thị là 5,28%, đến năm 2010 giảm xuống chỉ còn là 3,34% (thấp hơn so với vùng miền núi phía Bắc là 6,5%). Trong vùng miền núi phía Bắc thì Thái Nguyên là tỉnh có tỷ lệ thất nghiệp ở mức thấp; đồng thời, tỷ lệ sử dụng thời gian lao động nông thôn tăng liên tục từ 79,81% năm 2006 lên 82,07% năm 2010. Mức thời gian lao động ở nông thôn tăng lên có nghĩa là lao động ở khu vực này đã tạo được việc làm nhiều hơn, người dân đã tự tạo việc làm cho chính mình và những lao động khác.

2. Một số nguyên nhân cơ bản của thiếu việc làm và thất nghiệp ở Thái Nguyên

2.1. Do thiếu đất canh tác

Đối với tỉnh Thái Nguyên, khi nền kinh tế còn dựa chủ yếu vào ngành nông nghiệp

thì đất đai là yếu tố đầu vào quan trọng, có tác động chi phối đến vấn đề việc làm của người lao động, nhất là lực lượng lao động ở nông thôn. Trong khi dân số trong khu vực nông thôn chiếm đa số, diện tích đất sản xuất nông nghiệp bình quân đầu người đã thấp (360m²/người) lại đang ngày càng giảm đi (do một phần đất đai dành cho công nghiệp), số người bước vào tuổi lao động ở nông thôn tăng nhanh, nên tình trạng thiếu đất sản xuất mà hệ lụy của nó là thiếu việc làm là điều khó tránh khỏi.

2.2. Do yếu tố mùa vụ ở nông thôn

Nếu trong mùa thu hoạch, người nông dân có thể làm việc 11 giờ/1 ngày. Thời gian bận rộn này tổng cộng cũng chỉ kéo dài khoảng 3 tháng trong 1 năm, thời gian còn lại trong năm là thời kỳ nông nhàn. Trong thời gian này họ chỉ làm việc khoảng 3 giờ/ngày. Thực tế của Thái Nguyên, khu vực nông thôn chiếm khoảng 70% lực lượng lao động của toàn tỉnh và theo tính toán phải có đến khoảng gần 30% lao động thiếu việc làm thường xuyên. Những người thất nghiệp vào thời gian nông nhàn này sẽ tìm đến nơi có việc làm để họ tạo thu nhập. Từ đó xuất hiện dòng người di dân, di chuyển lao động từ vùng này đến vùng khác, từ nông thôn ra thành thị nhằm giải quyết việc làm một cách tạm thời.

2.3. Do thiếu vốn sản xuất kinh doanh

Số vốn đầu tư để tạo việc làm gồm hai bộ phận chính:

- Chi phí tạo ra mặt bằng sản xuất như: chi phí mua sắm thiết bị máy móc, nguyên vật liệu, phương tiện vận chuyển, thuê hoặc mua mặt bằng nhà xưởng...

- Chi phí đào tạo người lao động, chi phí quản lý.

Đối với Thái Nguyên, tình trạng các đơn vị sản xuất kinh doanh không có đủ vốn để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh (tức là không đủ cả hai điều kiện để tạo thêm việc làm mới) là tương đối phổ biến, do đó vấn đề giải quyết việc làm tại các doanh nghiệp ở Thái Nguyên vẫn là một toán khó.

2.4. Do trình độ tay nghề của lao động

Cơ chế tạo việc làm đòi hỏi người lao động cần phải có những kỹ năng đủ đáp ứng được yêu cầu của đặc điểm ngành nghề, điều kiện sản xuất kinh doanh và nhu cầu của người sử dụng lao động. Điều này không những được thể hiện ở trình độ lao động qua bằng cấp (trình độ tay nghề, trình độ văn hóa, ngoại ngữ, tin học...), mà còn được thể hiện tình ở trạng sức khỏe, ý thức kỷ luật lao động của người lao động. Phần đông người lao động ở Thái Nguyên hiện nay vẫn đang gặp khó khăn về những tiêu chí này.

3. Giải pháp giải quyết việc làm

3.1. Nhóm giải pháp gắn với phát triển kinh tế - xã hội

Với mục tiêu về kinh tế phấn đấu đến năm 2020 Thái Nguyên trở thành tỉnh công nghiệp của cả nước, với tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) đạt bình quân hàng năm là 12 – 13% trong giai đoạn 2010 – 2020. Trong đó, ngành nông nghiệp tăng trưởng khoảng 5 – 5,5%, ngành công nghiệp tăng khoảng 13,5% - 14,5%, ngành dịch vụ tăng khoảng 12% - 13%. Nếu đạt được mục tiêu trên thì GDP/người tính theo USD giá hiện hành sẽ đạt trên 800 USD vào năm 2015, bằng khoảng 77% mức bình quân cả nước (1.050 USD) và khoảng 2.200 – 2300 USD vào năm 2020, bằng bình quân cả nước.

3.1.1. Theo từng khu vực địa lý của tỉnh

Đối với khu vực miền núi, phải thực hiện hiệu quả chính sách di dân, định canh, định cư đối với đồng bào dân tộc. Giải quyết việc làm theo hướng đẩy mạnh cây công nghiệp dài ngày và cây công nghiệp hàng năm. Chú trọng giao đất, giao rừng cho đồng bào miền núi. Phát triển chăn nuôi theo hướng cải tạo giống cây trồng vật nuôi và nâng cao chất lượng gia súc, gia cầm, chú trọng phát triển kinh tế trang trại. Đồng thời, tập trung hướng dẫn đồng bào miền núi kỹ thuật

trồng trọt và chăn nuôi, tạo điều kiện cho hộ vay vốn tạo cơ sở cho người dân tự giải quyết việc làm.

Đối với khu vực đồng bằng và nông thôn, phải chú trọng giải quyết việc làm theo hướng phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa chất lượng cao, kết hợp với chế biến nông sản, từ đó thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn. Cần chú trọng xây dựng các vùng chuyên canh phù hợp với tiềm năng về điều kiện tự nhiên và lợi thế của từng vùng, khuyến khích mở rộng, phát triển tiểu thủ công nghiệp tập trung đào tạo nghề truyền thống.

Đối với khu vực thành thị, cần chú trọng giải quyết việc làm theo hướng phát triển các khu công nghiệp tập trung, sản xuất công nghiệp quy mô lớn phù hợp với tiềm năng và lợi thế của tỉnh, cũng như các ngành nghề thuộc khu vực công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp. Bên cạnh đó, chú trọng phát triển khu vực dịch vụ (dịch vụ sản xuất, dịch vụ sinh hoạt, tài chính, hạ tầng cơ sở...).

3.1.2. Theo nhóm ngành kinh tế của tỉnh

(1) Trong công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp:

Tập trung ưu tiên đầu tư phát triển các ngành mà tỉnh có ưu thế sau:

Trong thời gian tới, ngành công nghiệp luyện kim cần được ưu tiên phát triển trên cơ sở: khai thác hợp lý, hiệu quả nguồn tài nguyên sẵn có, nâng cao giá trị chế biến tinh khoáng sản sau khai thác, khuyến khích mọi thành phần kinh tế huy động mọi nguồn lực xã hội, thu hút nhân tài và lao động chất lượng cao vào phát triển ngành luyện kim.

Phát triển ngành cơ khí (sản xuất động cơ Diesel và các loại phụ tùng, linh kiện dùng cho xe máy và ô tô, phụ tùng máy mỏ và phụ tùng thiết bị khai khoáng, dụng cụ y tế...). Ngành công nghiệp cơ khí cần được phát triển trên cơ sở: gắn phát triển công nghiệp cơ khí với phát triển kinh tế xã hội của tỉnh nói chung và với phát triển các ngành công nghiệp khác nói riêng. Phát triển cơ khí đáp ứng cơ bản các nhu cầu của tỉnh về thiết bị máy móc phục vụ nông nghiệp, áp dụng công nghệ tiên tiến hiện đại, thực hiện đầu tư có trọng điểm.

Phát triển công nghiệp khai thác khoáng sản: ngành này cần được ưu tiên phát triển theo hướng tập trung khai thác các khoáng sản có giá trị kinh tế cao, trữ lượng lớn, đầu tư công nghệ hiện đại để tăng sản lượng, giảm giá thành, bảo vệ môi trường, đa dạng hóa quy mô khai thác khoáng sản trên cơ sở không lãng phí tài nguyên dưới sự kiểm soát của cơ quan quản lý nhà nước.

Phát triển ngành công nghiệp hóa chất: đây là ngành có nhiều tiềm năng của tỉnh vì đây là ngành có nhiều việc làm mà thu hút lực lượng lao động không đòi hỏi nhiều về chất lượng và trình độ chuyên môn, phù hợp với thực trạng lao động hiện nay của tỉnh Thái Nguyên.

Phát triển ngành công nghiệp vật liệu xây dựng: đây là ngành với quy mô thị trường của ngành lớn, nhu cầu việc làm về vật liệu xây dựng trong tỉnh ngày càng tăng dựa trên lợi thế về nguồn nguyên liệu có sẵn phong phú, nên nó sẽ là khu vực có khả năng thu hút được nhiều lao động.

Phát triển ngành công nghiệp dệt may: ngành này cũng đang có tốc độ phát triển khá cao do nhu cầu về sản phẩm dệt may đang tăng khá nhanh.

Phát triển ngành công nghiệp chế biến nông sản: phát triển vùng nguyên liệu ổn định, đầu tư thay thế dần các trang thiết bị, công nghệ, đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm, xây dựng các cơ sở chế biến tập trung, giảm dần các sản phẩm sơ chế, tăng nhanh các sản phẩm chủ lực (bia, rau quả, chế biến thịt hộp...).

Phát triển các khu công nghiệp, các cụm công nghiệp tập trung: Thái Nguyên có các điều kiện để hình thành và phát triển

nhanh chóng các khu, cụm công nghiệp tập trung, vì: *thứ nhất* là quỹ đất của tỉnh có thể bố trí cho phát triển công nghiệp khá lớn (khoảng 5342 ha); *thứ hai* là hệ thống giao thông khá phát triển, đảm bảo giao thông thuận lợi giữa Thái Nguyên với bên ngoài; *thứ ba* là hạ tầng cơ sở ngày càng được củng cố và nâng cấp; cuối cùng là tỉnh có nguồn nhân lực phong phú.

Phát triển các làng nghề mà tỉnh Thái Nguyên có tiềm năng, lợi thế về nguồn nguyên liệu, vật liệu, nhân lực. Mặc dù cơ cấu tỷ trọng lao động và GDP trong nông nghiệp của Thái Nguyên đang ngày càng giảm, tuy nhiên nông nghiệp vẫn đóng vai trò quan trọng trong vấn đề giải quyết việc làm nói riêng và trong phát triển kinh tế của tỉnh nói chung. Khu vực nông nghiệp cần phát triển một cách đa dạng, bền vững theo hướng sản xuất gắn với công nghiệp chế biến với các sản phẩm chủ lực như: các sản phẩm về mây đan tre, nguyên liệu từ sản phẩm nông nghiệp.

(2) Trong nông nghiệp:

Phát triển trồng trọt: hình thành các vùng sản xuất rau quả tập trung, chất lượng cao tại các huyện có điều kiện như: Phú Bình, Phổ Yên, Đại Từ, thị xã Sông Công; tổ chức thâm canh ở trình độ cao tại các vùng chủ động được nước tưới, áp dụng đồng bộ các biện pháp kỹ thuật. Khai thác tối đa lợi thế trồng các loại rau ôn đới, phát triển mạnh gieo trồng các loại cây công nghiệp ngắn hạn và dài ngày tạo thành các vùng nguyên liệu tập trung phục vụ cho sản xuất công nghiệp.

Phát triển chăn nuôi: ổn định và phát triển các loại gia súc gia cầm, trong đó ưu tiên phát triển đàn lợn, đàn bò... Tận dụng những lợi thế về đặc điểm điều kiện tự nhiên để phát triển nuôi trồng thủy sản tại các huyện có hồ lớn. Lựa chọn và áp dụng các hình thức nuôi, kỹ thuật nuôi phù hợp với điều kiện cụ thể của từng vùng. Thực hiện chính sách trợ giá, trợ cước cho các hộ nuôi trồng thủy sản ở vùng sâu, vùng xa, trợ giá cho các cơ sở sản xuất giống thủy sản, hỗ trợ cho nuôi trồng thủy sản gặp rủi ro.

Đẩy mạnh các hoạt động khuyến nông – khuyến lâm phát triển sản xuất.. Cung cấp kiến thức và kỹ năng về khuyến nông, lâm, ngư nghiệp thông qua áp dụng khuyến nông có sự tham gia của người dân, gắn kết chặt chẽ chuyển giao tiến bộ kỹ thuật với giới thiệu phương pháp tổ chức sản xuất, bảo quản chế biến, hạch toán kinh tế và tiêu thụ sản phẩm. Hỗ trợ việc hình thành các tổ chức khuyến nông tự quản, cung cấp thông tin khoa học kỹ thuật và thị trường cho nông dân, nhất là người nghèo ở vùng sâu, vùng xa, người dân tộc thiểu số.

Phát triển các làng nghề: Thái Nguyên đề ra mục tiêu phấn đấu đến năm 2020 tăng thêm 59 làng nghề để toàn tỉnh có 180 làng nghề, đủ sức làm đòn bẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế khu vực nông nghiệp, nông thôn. Trong đó, mở mới 20 làng nghề đồ gỗ mỹ nghệ và 20 làng nghề trồng nấm, thu hút gần 8.300 hộ với trên 18.000 lao động. Ngành nghề tiểu thủ công nghiệp và các nghề truyền thống của Thái Nguyên như sản xuất chế biến chè, chế biến thực phẩm, nghề đan lát... đã phát triển khá mạnh, tạo bước khởi đầu thuận lợi cho sự phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Toàn tỉnh có khoảng 13.300 cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp và làng nghề với gần 26.500 lao động, thu nhập từ ngành nghề đạt gần 210 tỷ đồng. Qua khảo sát điều tra ở một số làng nghề cho thấy, những năm qua, các làng nghề tuy đã chú ý hơn đến việc đầu tư thêm máy móc, thiết bị vào sản xuất nhưng vẫn còn ở mức độ thấp, giữa các ngành và các vùng chưa đồng đều, vấn đề ứng dụng và đổi mới công nghệ còn gặp nhiều khó khăn về vốn, nhân lực... Các ngành nghề có số làng nghề chiếm tỷ trọng cao trong tổng số làng nghề ở Thái Nguyên như mây tre đan, sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến nông sản, chế biến chè, đồ gỗ mỹ nghệ... có mức độ cơ giới hóa còn nhỏ bé, chủ yếu chỉ ở khâu sơ chế ban đầu như chẻ tre, cưa, xẻ gỗ.... Nhìn

chung quy mô sản xuất ở làng nghề còn nhỏ, manh mún nên số việc làm tạo ra ở đây chưa nhiều – đây là hạn chế của làng nghề tại tỉnh Thái Nguyên.

(3) Trong thương mại, dịch vụ:

Vẫn phải tập trung phát triển các ngành mà tỉnh có những lợi thế trước: ưu tiên đầu tư phát triển mạnh ngành du lịch, tập trung khai thác các thị trường trong nước như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh... cũng như thị trường nước ngoài như thị trường Tây Âu, Nhật Bản, Trung Quốc, khu vực ASEAN... Đối với ngành này phát triển theo đa dạng hóa các loại hình và sản phẩm du lịch (du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng cao cấp, du lịch vui chơi giải trí thể thao, du lịch văn hóa...). Thực hiện các chính sách nhằm thu hút đầu tư mạnh mẽ vào du lịch, tạo ra hệ thống cơ sở vật chất du lịch có chất lượng cao, đồng bộ, tạo nhiều sản phẩm du lịch đặc thù có khả năng cạnh tranh, bảo vệ tôn tạo và phát triển các nguồn tài nguyên và cải thiện môi trường du lịch.

Phát triển thương mại: phấn đấu đưa Thái Nguyên trở thành trung tâm giao dịch thương mại, bán buôn bán lẻ, xúc tiến thương mại và vận động đầu tư lớn của vùng trung du và miền núi phía Bắc. Trong thời gian tới Thái Nguyên cần: xây dựng 2 – 3 trung tâm thương mại lớn có chức năng vừa là trung tâm giao dịch thương mại, vừa là nơi cung cấp văn phòng cho các công ty, văn phòng đại diện cho thuê, xây dựng các trung tâm thông tin tư vấn và hỗ trợ các doanh nghiệp, hoàn thiện mạng lưới bán buôn và bán lẻ hàng hóa dịch vụ, thực hiện các chương trình chính sách hỗ trợ cho các hoạt động đầu tư, xúc tiến thị trường, lập các văn phòng đại diện thương mại ở nước ngoài, khuyến khích phát triển các dịch vụ trọn gói... Đây là thị trường tốt và ngày càng được mở rộng thu hút nhiều lao động vào ngành này.

3.2. Nhóm giải pháp về thị trường lao động

Tuyên truyền làm chuyển đổi nhận thức của xã hội về vấn đề việc làm và phương thức giải quyết việc làm trong nền kinh tế thị trường. Với cơ chế thị trường như hiện nay thì Nhà nước đóng vai trò tạo dựng môi trường pháp luật, chính sách nhằm khuyến khích đầu tư mở rộng việc làm, khuyến khích người lao động tự tìm việc làm, tự tạo việc làm cho mình và cho người khác.

Tổ chức thông tin thị trường lao động: nắm bắt diễn biến cung cầu lao động nhằm điều chỉnh, di chuyển lao động từ nơi thừa sang nơi thiếu, thu hút lao động từ nơi khác đến cho các ngành nghề đòi hỏi chuyên môn, kỹ thuật cao mà tỉnh không đáp ứng được, đồng thời hỗ trợ người lao động trong tỉnh đi làm việc ở địa bàn khác phù hợp với nguyện vọng, kỹ năng họ có. Tại tỉnh Thái Nguyên, công tác này nên tập trung vào các đơn vị có liên quan như các trung tâm giới thiệu việc làm, phòng quản lý lao động. Thị trường lao động được xã hội hóa, Nhà nước cần có biện pháp phát huy mặt tích cực, hạn chế các mặt tiêu cực. Cần tăng cường vai trò kiểm tra, giám sát điều chỉnh quan hệ cung cầu lao động thông qua hệ thống cơ chế chính sách pháp luật để đảm bảo công bằng và trợ giúp cho người lao động nói chung và nhóm lao động yếu thế nói riêng.

Tổ chức tốt hoạt động giới thiệu việc làm trong những năm tiếp theo, tổ chức nhiều các hội chợ việc làm trong tỉnh nhằm tạo dựng mối liên kết giữa người lao động, người sử dụng lao động, cơ sở đào tạo nghề và cơ sở giới thiệu việc làm. Khắc phục những hạn chế của tổ chức trong những năm vừa qua đã nêu ở trên, tạo nhiều thuận lợi và đem lại lợi ích cho người lao động cũng như nhà sử dụng lao động.

3.3. Quy hoạch hệ thống trung tâm giới thiệu việc làm

Tăng cường quản lý nhà nước đối với hoạt động giới thiệu việc làm trên địa bàn tỉnh. Điều chỉnh, xác định rõ chức năng của các trung tâm giới thiệu việc làm theo hướng tăng cường chức năng tư vấn, giới thiệu việc

làm, thông tin và phân tích thị trường lao động, trợ giúp người thất nghiệp, giảm dần chức năng dạy nghề.

Củng cố mạng lưới giới thiệu việc làm trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, chú trọng mạng lưới các trung tâm giới thiệu việc làm tại những vùng có tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động nhanh, các huyện chưa có trung tâm giới thiệu việc làm. Tăng cường khả năng giới thiệu việc làm, mục tiêu tới trong năm 2015 có 2000 – 2500 người lao động tìm được việc thông qua kênh giới thiệu việc làm của trung tâm, giai đoạn 2015 – 2020 con số này là 3000 – 3500 người /năm.

Đầu tư củng cố năng lực đào tạo nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, chuẩn hóa các giáo trình, chương trình và chức năng nghề đào tạo. Tập trung đào tạo một số nghề ngắn hạn chủ yếu, mỗi cơ sở từ 2 – 3 nghề.

Thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng ngắn hạn về chuyên môn nghiệp vụ, kiến thức quản lý cho cán bộ trung tâm. Tổ chức giới thiệu, tham quan tìm hiểu kiến thức và trao đổi kinh nghiệm giữa các trung tâm trong địa bàn tỉnh cũng như với các trung tâm tại các địa phương khác.

Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, ban, ngành có liên quan để xây dựng các chương trình mục tiêu về giới thiệu việc làm hàng năm cũng như trong từng kế hoạch cho các năm tiếp theo của tỉnh.

Mở các trung tâm tư vấn và giới thiệu việc làm: trong điều kiện kinh tế khó khăn, quy mô sản xuất của các doanh nghiệp ở Thái Nguyên không những không mở rộng mà nhiều doanh nghiệp còn bị thu hẹp nên cầu về lao động có nhiều biến động, luôn dưới mức cung về lao động và việc làm ngày càng tăng của người dân. Nhưng có những doanh nghiệp có cầu việc làm lại không tìm được người lao động phù hợp. Hệ thống các trung tâm giới thiệu việc làm trên địa bàn tỉnh có vai trò là nơi kết nối giữa các doanh nghiệp với người lao động. Trung tâm giới thiệu việc làm đã tư vấn nghề và việc làm cho hàng nghìn người dân mỗi năm./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Sở Lao động, thương binh và xã hội tỉnh Thái Nguyên, *Báo cáo kết quả giải quyết việc làm giai đoạn 2006-2010*

2. Uỷ ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Đề án giải quyết việc làm cho người trong độ tuổi lao động tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2008-2015 và tầm nhìn đến 2020.

3. Sở Lao động, thương binh và xã hội tỉnh Thái Nguyên, Đề án quy hoạch mạng lưới các trường dạy nghề tỉnh Thái Nguyên đến năm 2010.

4. Bộ Lao động, thương binh và xã hội (1999), thuật ngữ lao động thương binh – xã hội. Nxb Lao động - xã hội, Hà Nội, tr 13.

5. Vấn đề con người trong sự nghiệp công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước (1996), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr 328.

6. Cục Thống kê tỉnh Thái Nguyên. Niên giám thống kê năm 2010.

7. Nguyễn Đại Đồng (2004), "Lao động việc làm năm 2003 – những thách thức và kết quả đạt được", Tạp chí Lao động và xã hội, số 230, 231,232, tr 52- 53.

8. Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2008, 2009, 2010 của tỉnh Thái Nguyên.